TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2023/DS-PT
Ngày 12 - 9 - 2023
V/v *"Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Phi Long.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Khánh Vân

Ông Lương Văn Đài

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Hoa, kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 18/2023/TLPT - DS ngày 19 tháng 7 năm 2023 về: Tranh chấp hợp đồng đặt cọc. Do bản dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân HBX bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXPT - DS ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông ĐVQ và bà PTT.

Cùng địa chỉ: TNB, xã CT, huyện VC, YB. Vắng mặt.

*Người đai diện theo ủy quyền của nguyên đ*ơn: Ông HTH.

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Yên Bình, YB,YB. (theo văn bản ủy quyền ngày 06/3/2023). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông NDD, Luật sư thuộc Văn Phòng Luật sư Hồng Đức.

Địa chỉ: số nhà 179, đường NGT, tổ 3, phường ĐT,TPYB,TYB. Có mặt.

*2. Bị đơ*n: Chị NTH và anh TTP.

Cùng địa chỉ: Số nhà 419, tổ 5, HV, TTBX, HBX, TLC. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông LĐT - Luật sư - Văn Phòng Luật sư HG – Đoàn Luật sư HN.

Địa chỉ: số nhà 16, ngõ 4/3, phố DK, phường MD, quận CQ, HN.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông NVĐ – Luật sư, Văn phòng Luật sư HG – Đoàn Luật sư HN.

Địa chỉ: số nhà 16, ngõ 4/3, phố DK, phường MD, quận CQ, HN.

Đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Ông ĐVQ và bà PTT.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Tháng 6/2020 vợ chồng chị NTH, anh TTP và ông Phạm Văn Q, bà PTT thỏa thuận với nhau về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà tại TNB, xã CT, huyện VC, YB. Hai bên thỏa thuận với nhau giá chuyển nhượng là 1.150.000.000 đồng. Ngày 20/6/2020 ông Phạm Văn Q và bà PTT đặt cọc số tiền 270.000.000 đồng, khi đặt cọc ông Phạm Văn Q viết Giấy đặt cọc mua nhà đất và thỏa thuận trong vòng một tháng ông Q và bà T sẽ thu xếp đủ số tiền còn lại để trả. Giấy đặt cọc có chữ ký của chị NTH và ông ĐVQ, người làm chứng chị NTL.

Quá trình thực hiện hợp đồng, khi kiểm tra lại đất thì được biết phần đất phía sau nhà vợ chồng chị H đang sử dụng khoảng 15m^2 là đất của nhà hàng xóm do vợ chồng chị H mượn của vợ chồng T-H xây dựng để làm nơi kinh doanh (trước đó khi xem đất để mua chị H không nói ra nội dung này), khi AP chồng chị H về mới nói nhưng ông Q vẫn đồng ý mua.

Về số tiền để trả cho vợ chồng chị H, vợ chồng ông Q đã chuẩn bị đầy đủ từ ngày 12/7/2020 bao gồm:

- 280.000.000 đồng là tiền bán một mảnh đất cho vợ chồng anh Lê Văn Mười ở Khu 1, thôn Ngã Ba, xã CT, huyện VC, YB.

- 180.000.000 đồng vay của ĐQT (em gái ông Q), ở thôn VT, CH, HH, TB

- 100.000.000 đồng vay của NVT (con cậu em mẹ ông Q), ở ML, ĐĐ, HH, TB

- 260.000.000 đồng là tiền do con gái Đoàn Hương L trả nợ ngày 09/7/2020, số tiền còn lại do tiết kiệm mà có.

Tối ngày 14/7/2020, bà T đến nhà chị H thông báo số tiền mua nhà và đất còn lại theo thỏa thuận ghi trong giấy đặt cọc đã chuẩn bị đầy đủ, bảo chị H gọi AP về để ngày 20/7/2020 giao nốt số tiền còn lại và bảo chị H bớt cho 10.000.000 đồng để nộp thuế sang tên sổ đỏ, nhưng chị H không đồng ý, khi đến nhà chị H tối ngày 14/7/2020 có chị V, hàng xóm của chị H biết.

Ngày 16 và 17/7/2020 ông Q và bà T lại đến nhà chị H bảo chị H gọi AP về để ngày 20/7/2020 trả nốt số tiền còn lại. Ngày 20/7/2020 bà T mang đủ số tiền còn lại là 880.000.000 đồng đến nhà chị H để trả thì chị H xin hoãn thời gian giao nhận tiền và giao nhà giao đất lại nửa tháng vì chưa có xe ô tô di chuyển đồ đạc, bà T đồng ý. Đến cuối tháng 7 năm 2020 chị H lại đến nhà bà xin lùi thời gian bàn giao nhà vào

giữa tháng 8 năm 2020. Vợ chồng ông bà Q đồng ý và yêu cầu AP phải có mặt để hoàn tất thủ tục chuyển nhượng nhà đất theo quy định của pháp luật.

Đến giữa tháng 8 năm 2020 bà T đem số tiền 880.000.000 đồng đến nhà chị H để thanh toán nhưng do AP không có nhà nên bà T không giao tiền. Chị H nói *"Nếu hôm nay ông bà không giao số tiền còn lại thì cháu không bán đất cho ông bà nữa, sẽ bán cho người khác, khi nào bán được nhà cháu mới có tiền trả cho ông bà"*. Nghe chị H nói như vậy bà T đi về.

Hai ngày sau chị H treo biển bán nhà, ông Q có sang gặp chị H và đề nghị nếu không bán đất cho ông bà thì trả lại tiền ông bà đã đặt cọc. Chị H nói bao giờ bán được nhà và đất thì cháu sẽ trả tiền cọc nhưng ông Q không đồng ý và bảo nếu cháu không trả thì ông bà sẽ làm đơn đề nghị UBND xã CT giải quyết, chị H nói vậy thì ông bà cứ làm đơn, nên ông Q đã làm đơn đề nghị UBND xã CT giải quyết. Ngày 25/8/2020 TNB, xã CT hòa giải nhưng không thành.

Đến cuối năm 2021 vợ chồng chị H đã bán nhà cho chị VNQ nhưng không trả lại tiền đặt cọc nên ông Q đã làm đơn tố cáo đến Công an huyện Văn Trấn, tỉnh Yên Bái về việc "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" nhưng Công An huyện Văn Chấn cho rằng vụ việc này là tranh chấp dân sự nên không khởi tố vụ án hình sự.

Ông Q và bà T cho rằng chị H và AP vi phạm thỏa thuận ghi trong Giấy đặt cọc mua nhà và đất ngày 20/6/2020, nên khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết quyết:

1. Buộc chị NTH và anh TTP trả lại cho ông ĐVQ và PTT số tiền 270.000.000 đồng theo Giấy đặt cọc mua nhà và đất ngày 20/6/2020.

2. Buộc chị NTH và anh TTP phải trả một khoản tiền tương đương với số tiền đã đặt cọc mua nhà và đất là 270.000.000 đồng.

Tổng số tiền chị NTH và anh TTP phải trả là 540.000.000 (năm trăm bốn mươi triệu) đồng.

Bị đơn, Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Chị NTH và anh TTP có quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng 50m^2 đất ở nông thôn, tại TNB, xã CT, huyện VC, YB. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 331669, số vào sổ cấp GCN: CH 03192 do Ủy ban nhân dân huyện VC, YB cấp ngày 28/6/2010, mang tên anh TTP và chị NTH. Năm 2019 AP và chị H đã chuyển lên thị trấn Bát Xát, HBX, tỉnh Lào Cai cư trú nên có nhu cầu chuyển nhượng nhà đất nêu trên, chị H ở lại để bán nhà và đất. Tối ngày 20/6/2020 ông ĐVQ và vợ là bà PTT đã đến và làm thủ tục đặt cọc, hai bên thống nhất giá bán 1.150.000.000 đồng, ông Q đặt cọc số tiền 270.000.000 đồng và hẹn 1 tháng sau thanh toán nốt số tiền còn lại, khi đặt cọc có bà Đường Thị L cũng là hàng xóm làm chứng. Giấy đặt cọc có ông Q và chị H cùng người làm chứng ký.

Sau khi thoả thuận về đặt cọc và thời hạn thực hiện chuyển nhượng, thì đến ngày 20/7/2020 là hạn ông Q, bà T phải trả tiền mua nhà nhưng ông Q không thực hiện. Ngày 22/7/2020 ông Q đến nhà chị H xin gia hạn đến ngày 03/8/2020 với lý do ngày tốt sẽ giao trả số tiền còn lại để thực hiện chuyển nhượng. Tuy ông Q đưa

ra lý do để chọn ngày tốt, nhưng thực chất là ông Q không lo được tiền trả, bởi trong khoảng thời gian gia hạn, bà PTT có sang nhà nói sợ không lo đủ tiền, nên xin cho nợ lại 150.000.000 đồng, vợ chồng chị H không đồng ý. Đến hạn ngày 03/8/2020 ông Q không đến mà cho bà T đến nhà nói "không cho nợ lại 150.000.000 thì phải bớt cho 10.000.000 đồng". Chị H không đồng ý và yêu cầu thực hiện đúng thoả thuận, bà T không nói gì và bỏ về.

Đến ngày 05/8/2020, đã quá thời hạn thực hiện thỏa thuận, bà T đến nhà chị H nói không mua nhà đất của chị H nữa mà mua ngoài thành phố Yên Bái, yêu cầu chị H trả lại tiền. Chị H trả lời nếu ông bà mua thì thời điểm này thanh toán đủ tiền và bên chúng tôi vẫn ký chuyển nhượng. Còn nếu ông bà không mua, có nghĩa ông bà vi phạm phạm thoả thuận và mất tiền cọc. Nhưng bà T vẫn khẳng định không mua nữa và bỏ về.

Sau khi từ chối không nhận chuyển nhượng nhà và đất, ông Q, bà T không lần nào đến gặp chị H, mà làm đơn gửi UBND xã CT giải quyết. Quá trình thôn hoà giải, vợ chồng H, Phương đồng ý sau khi bán nhà cho người khác mà ông bà Q, T không gây khó khăn thì sẽ hoàn trả ½ số tiền cọc nhưng ông Q, bà T không đồng ý nên hoà giải không thành. Sau đó ông Q đã tuyên bố, không cần đòi tiền nữa mà sẽ phá không cho vợ CP, H chuyển nhượng nhà đất và trong khoảng thời gian từ cuối tháng 11/2020 đến cuối tháng 12/2020 ông Q cùng người thân của mình liên tục đăng hình ảnh, thông tin lên mạng xã hội Facebook nói sai sự thật, với nội dung đất nhà chị không đủ giấy tờ và tranh chấp mốc giới với hộ liền kề, nhằm mục đích phá không cho ai mua nhà của chị H và thực tế chị H vẫn treo biển rao bán, nhưng không ai hỏi mua.

Đến ngày 22/11/2021 chị VNQ là người cùng thôn đã hỏi mua và vợ chồng chị H đã chuyển nhượng cho chị Quỳnh với số tiền 1.100.000.000 đồng (bán rẻ hơn giá đã thoả thuận bán cho ông Q). Sau đó, đã thực hiện hoàn tất việc chuyển nhượng, đăng ký sang tên quyền sử dụng đất cho người mua (chị VNQ), mà không gặp vướng mắc nào về hồ sơ, giấy tờ cũng như mốc giới với hàng xóm.

Tháng 6/2022, ông Q làm đơn tố cáo ra Công an huyện Văn Chấn. Quá trình Cơ quan Công an xác minh, vợ chồng chị H đã khai báo đúng diễn biến, nội dung giao dịch, cũng tiến hành đối chất với ông Q, bà T. Sau khi điều tra xác minh, Công an huyện Văn Chấn đã quyết định không khởi tố vụ án. Vì vậy, vợ chồng chị H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà T. Theo thoả thuận đặt cọc, vợ chồng chị H thực hiện đúng, không vi phạm nghĩa vụ. Việc chuyển nhượng không được thực hiện là do lỗi của phía ông Q, bà T không đủ khả năng tài chính, tự huỷ việc mua bán.

Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân HBX, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông ĐVQ và bà PTT, ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 14 và 16/8/2023, Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân HBX. Đề nghị cấp phúc

thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị NTH và anh TTP trả lại cho ông ĐVQ và PTT số tiền 270.000.000 đồng theo Giấy đặt cọc mua nhà và đất ngày 20/6/2020 và phải trả một khoản tiền tương đương với số tiền đã đặt cọc mua nhà và đất là 270.000.000 đồng. Tổng cộng là 540.000.000 (năm trăm bốn mươi triệu) đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông ĐVQ và bà PTT, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân HBX, tỉnh Lào Cai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Nguyên đơn ông ĐVQ và bà PTT có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ.

[2] Về Quan hệ pháp luật và việc xác định Người tham gia tố tụng, sự có mặt, vắng mặt của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; Xác định đầy đủ tư cách người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: anh LĐT - Luật sư và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: anh NVĐ - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư HG Đoàn Luật sư HN có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn: Nguyên đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm buộc chị NTH và anh TTP trả lại cho ông ĐVQ và PTT số tiền 270.000.000 đồng theo Giấy đặt cọc mua nhà và đất ngày 20/6/2020 và tiền phạt cọc là 270.000.000 đồng. Tổng cộng là 540.000.000 (năm trăm bốn mươi triệu) đồng.

[3.1] Xét về hình thức và nội dung hợp đồng đặt cọc: Theo tài liệu do các đương sự cung cấp xác định: Ngày 20/6/2020 chị NTH và ông ĐVQ có ký hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất. Mặc dù nội dung giấy cọc nhà không ghi rõ thoả

thuận mua bán đối với thửa đất nào, ở đâu và các giấy tờ liên quan. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ là lời khai của đương sự cũng như biên bản đối chất thì nguyên đơn, bị đơn đã thống nhất, thừa nhận mục đích đặt cọc để thực hiện việc chuyển nhượng diện tích 50 m^2 đất ở tại TNB, xã CT, huyện VC, YB. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 331669, số vào sổ cấp GCN: CH 03192, do Ủy ban nhân dân huyện VC, YB cấp ngày 28/6/2010 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh TTP và chị Nguyễn Phương H. Hai bên đã thống nhất giá trị chuyển nhượng là 1.150.000.000 đồng, bên chuyển nhượng đã nhận 270.000.000 đồng tiền cọc, số tiền còn lại nguyên đơn cam kết sẽ trả trong vòng một tháng. Như vậy, sự thừa nhận của đương sự về thỏa thuận đặt cọc là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm ký kết hợp đồng đặt cọc, mặc dù chỉ có một mình chị H, ông Q ký tên, nhưng trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện AP, bà T đã biết và đồng ý với việc đặt cọc để thực hiện chuyển nhượng. Như vậy, về chủ thể tham gia ký kết đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết xuất phát từ ý trí tự nguyện của các bên, không có ai bị ép buộc, bị lừa dối, mục đích của giao kết không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 116; 117; Điều 118 và Điều 328 Bộ luật dân sự.

[3.2] Về quá trình thực hiện hợp đồng:

Theo thỏa thuận đặt cọc ngày 20/6/2020 các bên thừa nhận hẹn sau 1 tháng chuẩn bị đủ số tiền để thanh toán (Ngày 20.7.2020). Tuy nhiên, qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện các đương sự nhiều lần thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng. Tại biên bản đối chất lập ngày 16/8/2020 tại trụ sở công an huyện VC, YB (BL 89,90); Biên bản đối chất lập ngày 20/3/2023 Tòa án nhân dân HBX (BL 113-115) và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm thì hai bên thừa nhận thỏa thuận lại thời gian để giao số tiền còn lại là giữa tháng 8 năm 2020, tức là ngày 15/8/2020, mặc dù, việc thỏa thuận lại về thời gian giao nhận tiền không được lập thành chỉ nói miệng với nhau, nhưng đến nay hai bên đều xác nhận, vì vậy có căn cứ xác định thời điểm hạn cuối đề thực hiện hợp đồng đặt cọc là ngày 15/8/2020.

Nguyên đơn cho rằng ngày 14/7/2020 có đến nhà chị H thông báo cho chị H biết số tiền còn lại đã chuẩn bị đủ và bảo anh chị gọi AP về để ngày 20/7/2020 vợ chồng ông Q, bà T giao tiền và khi nguyên đơn đến nhà chị H có chị V làm chứng. Tuy nhiên, theo giấy xác nhận (BL 92) của chị V, thì chị chỉ xác nhận có thấy bà T và chị H ngồi nói chuyện với nhau còn nói về việc gì, nội dung như nào thì chị Vân không biết. Ngày 16 và 17/7/2020 nguyên đơn có đến gặp chị H và hẹn 20/7/2020 có mặt cả hai vợ chồng chị H ở nhà để giao tiền, tuy nhiên chị H không xác nhận nội dung này và nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh. Vì vậy, việc bà T khai như trên là không có căn cứ.

Về việc chuẩn bị tiền số tiền còn lại 880.000.000 đồng đẻ trả cho Bị đơn. Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ thì có căn cứ nguyên đơn đã chuẩn bị

đủ số tiền để trả. Nguyên đơn cho rằng ngày 20/7/2020 có mang số tiền còn lại đến nhà chị H để trả thì chị H xin hoãn thời gian giao nhận tiền và giao nhà đất nửa tháng nữa, ngày 15/8/2020 theo thỏa thuận nguyên đơn mang tiền đến nhà chị H để thanh toán nhưng do không có chồng chị H ở nhà nên nguyên đơn không thanh toán. Tuy nhiên, ngoài lời khai của bà T và ông Q thì không có tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh việc bà T mang tiền đến nhà chị H để thanh toán. Đối với (tài liệu, chứng cứ về việc chuẩn bị tiền không có ý nghĩa chứng minh cho việc bà T đã mang đủ tiền đến trả ngày 15/8/2020 hay không và nếu có số tiền mang theo là bao nhiêu). Mặt khác, theo chị H khai, bà T có sang nhà hỏi chồng mày có nhà không chị H bảo không có thì bà T đi về và trong hợp đồng đặt cọc không có thỏa thuận nội dung AP phải có mặt ở nhà để nhận tiền, nên nguyên đơn đưa ra quan điểm như trên là không có căn cứ.

Đối với ý kiến của ông Q, bà T cho rằng phải căn cứ vào khoản 3 Điều 167 Luật đất đai 2013 thì hợp đồng đặt cọc phải được công chứng, chứng thực là không đúng vì hiện tại các văn bản pháp luật liên quan đến hợp đồng đặt cọc không đặt ra vấn đề bắt buộc phải công chứng, chứng thực. Do đó, các bên tham gia ký kết hợp đồng đặt cọc có thể chọn công chứng hoặc không công chứng hợp đồng này.

[4] Từ những phân tích trên xét thấy ông ĐVQ và bà PTT kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh nội dung kháng cáo của mình là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông ĐVQ và bà PTT là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông ĐVQ và bà PTT.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân HBX, tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông ĐVQ và bà PTT là người cao tuổi nên không phải nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND HBX;
- Chi cục THADS HBX;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Phi Long

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Văn Đài **Trần Thị Khánh Vân** **Đặng Phi Long**